

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Áp lực chốt lời gia tăng, dưới ảnh hưởng của phiên lao dốc trên TTCK Mỹ ngày hôm qua trước lo ngại về diễn biến dịch Covid-19 và kỳ bầu cử Tổng thống Mỹ, khiến TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên điều chỉnh.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL nói tiếp đà giảm điểm, ảnh hưởng bởi diễn biến tiêu cực từ TTCK Mỹ.

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

CTG, VHM

## [Cập nhật công ty]

FRT, MWG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chờ nhịp hồi phục để đóng các vị thế trading T+, giữ lại tỷ trọng thấp và chỉ nâng dần tỷ trọng khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ tiếp theo.

29/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	919.08	-0.21
VN30	886.68	-0.25
HĐTL VN30F1M	887.50	-0.94
HNXIndex	134.37	+0.25
HNX30	246.30	-0.07
UPCoM	62.74	+0.02
USD/VND	23,181	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+3
Dầu (WTI, \$)	37.17	-0.59
Vàng (LME, \$)	1,878.34	+0.06

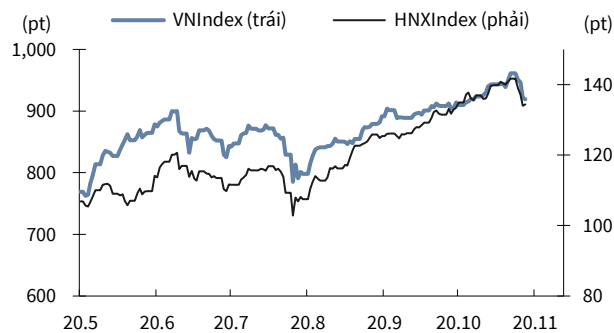


# Điểm nhấn thị trường

<b>VVNIndex</b>	<b>919.08 (-0.21%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>436.1 (+6.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>345.1 (-11.3%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>134.37 (+0.25%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>43.0 (-27.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>24.0 (-33.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>62.74 (+0.02%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>25.6 (+3.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>8.5 (-35.1%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>-14.8</b>

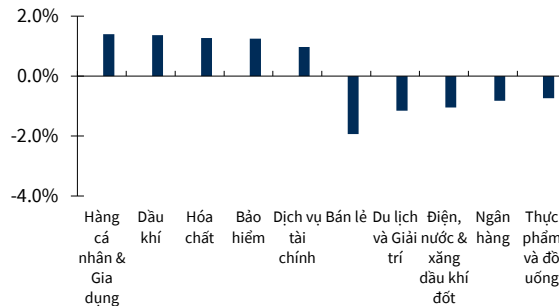
Áp lực chốt lời gia tăng, dưới ảnh hưởng của phiên lao dốc trên TTCK Mỹ ngày hôm qua trước lo ngại về diễn biến dịch Covid-19 và kỳ bầu cử Tổng thống Mỹ, khiến TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên điều chỉnh. Cổ phiếu hàng không đồng loạt giảm giá ở VJC (-1.6%), HVN (-0.4%) khi số ca nhiễm Covid-19 toàn cầu gia tăng tác động tiêu cực đến triển vọng khôi phục các đường bay quốc tế. Diễn biến lao dốc của giá dầu thế giới sau khi số liệu tồn kho Mỹ gia tăng khiến cổ phiếu trong ngành điều chỉnh ở GAS (-1.3%), PVS (-0.8%). Số liệu từ Tổng cục Hải quan cho thấy kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang EU trong tháng 9 có sự sụt giảm so với tháng 8, cho thấy tác động từ Hiệp định EVFTA chưa thực sự đáng kể, khiến cổ phiếu các doanh nghiệp xuất khẩu điều chỉnh như MPC (-0.7%), VHC (-0.5%) ở ngành thủy sản, và EVE (-0.9%), FTM (-0.8%) ở ngành dệt may. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở MSN (-2.3%), VRE (+0.4%), VJC (-1.6%).

## VNIndex & HNXIndex



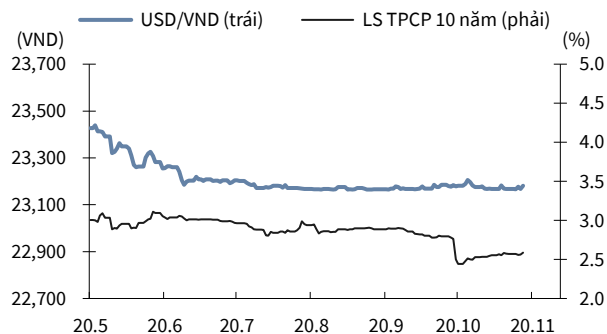
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



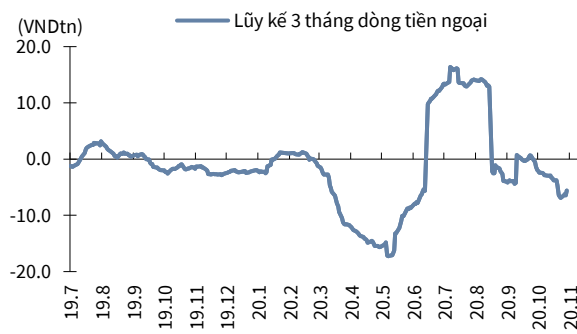
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

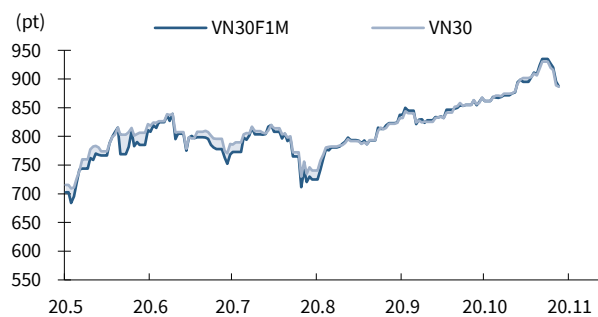
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>886.68 (-0.25%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>887.5 (-0.94%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>892.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>899.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>879.5</b>

HĐTL nối tiếp đà giảm điểm, ảnh hưởng bởi diễn biến tiêu cực từ TTCK Mỹ. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức 3.42, giao động trong biên độ 3.3 và 8.2 trước khi thu hẹp về cuối phiên và đóng cửa ở ngưỡng 0.82. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường cải thiện nhẹ.

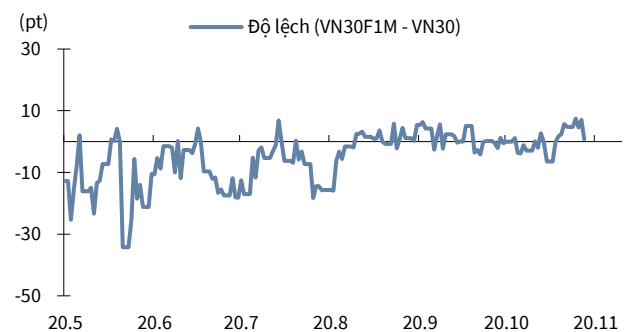
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>217,249 (+20.1%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



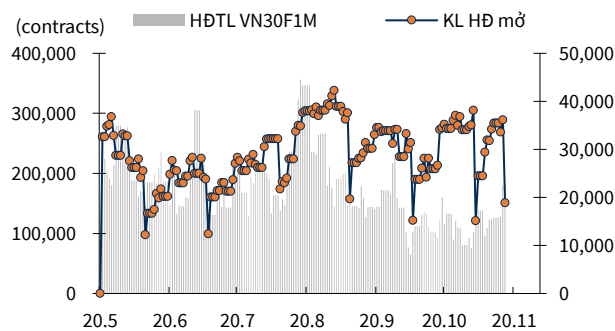
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



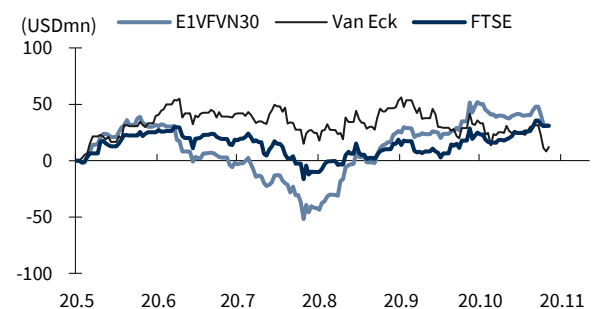
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

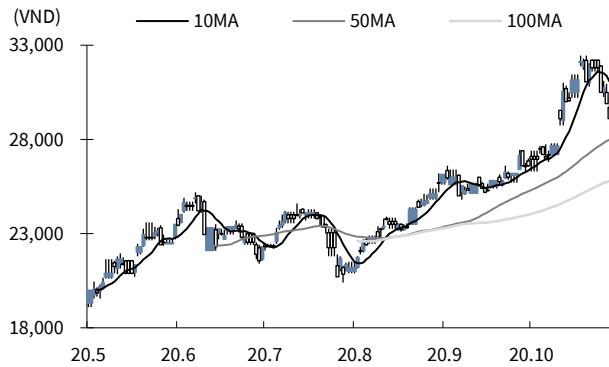
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

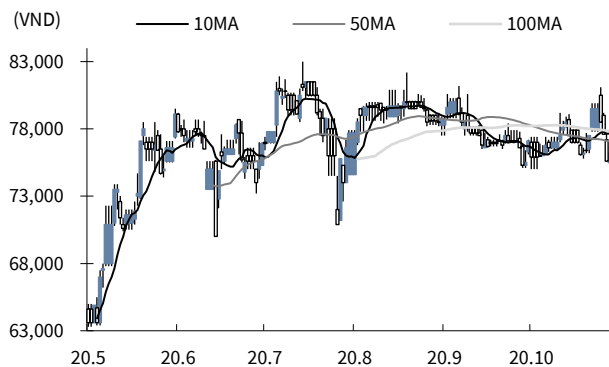
## Vietinbank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG giảm -2.7% xuống 29,100 VNĐ/cp.
- CTG công bố KQKD quý 3 với lợi nhuận sau thuế 2,342 tỷ (-7% YoY). Cụ thể, thu nhập lãi thuần của ngân hàng đạt 9,078 tỷ (+9% YoY), lãi thuần từ hoạt động dịch vụ 1,056 tỷ (-3% YoY), lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và mua bán chứng khoán đầu tư lần lượt 477 tỷ (+19%) và 106 tỷ (+360%), lãi thuần từ hoạt động khác 681 tỷ (+165%). Chi phí hoạt động của ngân hàng 3,748 tỷ (-0.1%).
- Tổng tài sản ngân hàng đạt 1.26 triệu tỷ (+1.7% Ytd). Nợ xấu ngân hàng tăng từ 1.16% thời điểm đầu năm lên 1.87%.

## Vinhomes (VHM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM tăng 0.8% lên 76,200 VNĐ/cp.
- VHM công bố báo cáo tài chính quý 3 lợi nhuận 6,146 tỷ đồng (+0.1% YoY), doanh thu 26,483 tỷ đồng (+243% YoY). Doanh thu tích cực từ việc bàn giao sản phẩm tại 4 dự án Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Grand Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Marina. Trong quý 3, ba đại đô thị Vinhomes đã bàn giao tổng cộng gần 10,400 căn hộ, biệt thự và nhà liền kề cho cư dân theo đúng tiến độ

# CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)

## Lợi nhuận Q3 phục hồi với mức tăng trưởng 2 chữ số

### Lợi nhuận quý 3 phục hồi với mức tăng trưởng hai chữ số

— Lợi nhuận quý 3 tăng 11% YoY lên 951 tỷ đồng, doanh thu đi ngang ở mức 25,713 tỷ đồng (tăng 2% YoY) bất chấp làn sóng Covid-19 thứ hai buộc đóng cửa các cửa hàng tại Đà Nẵng vào tháng Tám. Việc đóng cửa các cửa hàng đã ảnh hưởng đến doanh số bán hàng điện thoại di động và điện tử tiêu dùng trong bối cảnh thu nhập khả dụng và nhu cầu tiêu dùng yếu hơn với mức giảm 9% YoY trên cả doanh số bán điện thoại di động và điện tử tiêu dùng trong quý. Trong khi đó, doanh thu chuỗi Bách hóa Xanh tăng trưởng 86% YoY và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể trong quý 3/2020, tăng lên khoảng 25% sau khi hủy hàng và mất mát từ mức 20% của quý 3/2019 nhờ: (1) điều kiện giao dịch tốt hơn với các nhà cung cấp FMCGs do lợi thế quy mô kinh doanh lớn; và (2) tối ưu hóa quy trình thu mua sản phẩm tươi sống. Lợi nhuận từ đầu năm đến nay đi ngang ở mức 2,978 tỷ đồng, tương ứng với 86% kế hoạch lợi nhuận cả năm và 73% kỳ vọng thị trường (consensus). Doanh thu trong chín tháng đầu năm tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái lên 81,352 tỷ đồng, tương đương 74% so với kế hoạch doanh thu của năm và 70% kỳ vọng thị trường năm 2020E.

### Tiếp tục tập trung mở rộng Điện máy Xanh Supermini (DMS) và *Bluetronics*

— MWG tiếp tục tập trung mở rộng chuỗi siêu thị điện tử gia dụng với kỷ lục mở mới 33 cửa hàng DMS mới trong tháng 9, đạt 52 cửa hàng tại 12 tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ sau ba tháng thử nghiệm. Trong quý 3/2020, DMS đóng góp hơn 100 tỷ đồng doanh thu, tương đương khoảng 1% doanh thu Điện máy Xanh, và hơn 1 tỷ đồng mỗi cửa hàng mỗi tháng. DMS sẽ là mô hình kinh doanh chủ yếu để MWG giành thêm thị phần bán lẻ điện thoại điện máy trong tương lai. MWG cũng đã đạt 20 cửa hàng *Bluetronics*, chuỗi bán lẻ điện thoại và điện tử tiêu dùng của MWG tại Campuchia. MWG đã hoàn thành việc chuyển đổi tất cả các cửa hàng *Bigphone* (chuyên kinh doanh điện thoại, máy tính bảng và phụ kiện) sang mô hình *Bluetronics* mới nhằm chiếm lĩnh thị trường Campuchia tốt hơn. MWG dự kiến sẽ có 50 cửa hàng vào cuối năm 2020E để phủ sóng ở các tỉnh, thành phố lớn khác ở Campuchia như Siem Reap, Sihanoukville.

### Các cửa hàng Bách hóa Xanh lớn tiếp tục nâng cao hiệu quả

— Tại thời điểm cuối tháng 9, BHX có 19% tổng số cửa hàng có diện tích từ 300 m<sup>2</sup> trở lên (bao gồm cả mô hình “3 tỷ” và “5 tỷ”), so với 17% trong quý 3/2019. Có 10 cửa hàng “5 tỷ” có 1,000 hóa đơn mỗi ngày và 11/35 cửa hàng “5 tỷ” được sắp xếp đi cùng với mô hình nhà thuốc An Khang. MWG sẽ tiếp tục điều chỉnh tốc độ mở mới để tập trung chuyển đổi các cửa hàng hiệu quả cao sang mô hình “5 tỷ”. MWG đặt mục tiêu đạt khoảng 100 cửa hàng “5 tỷ” vào cuối năm 2020E.

# CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)

## KQKD quý 3 tiếp tục thua lỗ

### Thêm một quý tiếp tục lỗ do doanh số bán hàng di động yếu và mở rộng chuỗi nhà thuốc

Trong quý 3, FRT ghi nhận khoản lỗ trước thuế 8 tỷ đồng so với mức 91 tỷ đồng của Q3/2019 do doanh thu giảm 22% so với cùng kỳ xuống còn 3,422 tỷ đồng. Mặc dù kết quả hoạt động tốt hơn so với khoản lỗ 21 tỷ đồng trước thuế của quý 2, lợi nhuận tiếp tục bị ảnh hưởng bởi một đợt đóng cửa hàng khác đã ảnh hưởng đến doanh số bán điện thoại di động trong bối cảnh thu nhập khả dụng và nhu cầu tiêu dùng yếu hơn. Chi phí từ việc mở rộng cửa hàng thuốc Long Châu cũng có thể gây áp lực lên lợi nhuận khi ban lãnh đạo tiếp tục mở rộng nhanh chóng. Do khách hàng có xu hướng chuyển sang các kênh mua sắm trực tuyến trong bối cảnh Covid-19 bùng phát, FRT tiếp tục tập trung vào bán hàng trực tuyến với doanh thu online đạt 1,614 tỷ đồng (+22% YoY), đóng góp 47% tổng doanh thu FRT. Tính từ đầu năm đến nay, LNTT 9T/2020 giảm mạnh 94% YoY còn 18 tỷ đồng, trong khi doanh thu giảm 14% YoY còn 10,927 tỷ đồng. FRT chỉ mới hoàn thành 8% kế hoạch lợi nhuận cả năm của công ty và 9% kỳ vọng thị trường (consensus) trong khi hoàn thành 70% mục tiêu doanh số năm và 69% kỳ vọng thị trường.

### FRT đẩy mạnh kế hoạch mở rộng chuỗi nhà thuốc

Trong Q3/2020, chuỗi dược phẩm Long Châu (LC) đạt doanh thu 351 tỷ đồng (tăng 131% YoY), tăng lên đóng góp 10% cho tổng doanh thu quý 3 năm 2020. Doanh thu LC tăng mạnh nhờ khả năng do được hưởng lợi từ đại dịch do người dân có nhu cầu cao đối với các sản phẩm y tế và tích trữ thuốc điều trị cúm, ho, tuy nhiên những sản phẩm này có biên lợi nhuận gộp mỏng. Vào cuối quý 3/2020, FRT đã mở rộng mạng lưới cửa hàng của mình lên 593 cửa hàng FPT Shop và 176 cửa hàng Long Châu, trong đó mở mới 41 cửa hàng Long Châu và đóng 3 cửa hàng FPT Shop trong quý 3. Ban lãnh đạo vẫn cam kết tiếp tục mở rộng chuỗi dược phẩm và số lượng cửa hàng nhiều khả năng sẽ đạt hơn 200 cửa hàng trên toàn quốc vào cuối năm. Kế hoạch ban đầu của FRT là mở 150 cửa hàng LC mới vào năm 2020E.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

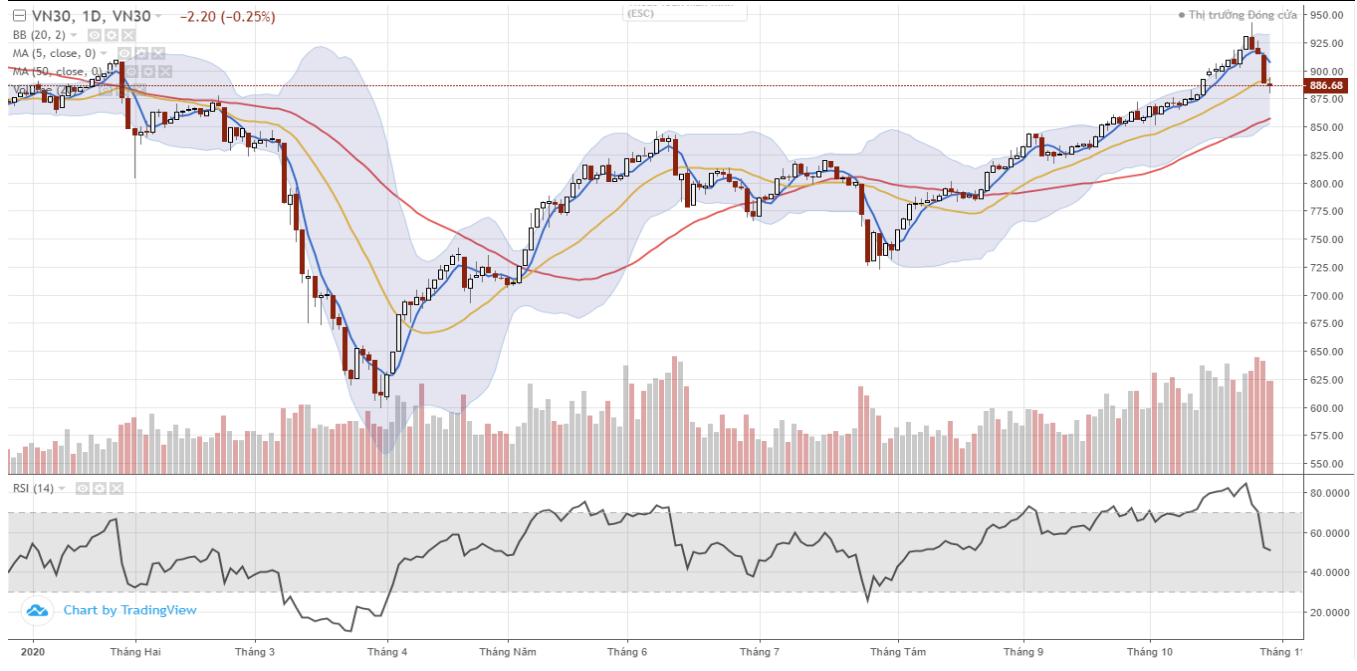


Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm nhưng diễn biến giằng co trước khi hồi phục nhẹ cuối phiên đã giúp hình thành mẫu hình nến inverted hammer.
- Chúng tôi cho rằng áp lực bán giá thấp đã phần nào được giải tỏa và xu hướng ngắn hạn quay trở lại trạng thái trung tính hơn với kháng cự gần quanh 940 và hỗ trợ kế tiếp quanh 895.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp hồi phục để đóng các vị thế trading T+, giữ lại tỷ trọng thấp và chỉ nâng dần tỷ trọng khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ tiếp theo.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 908 - 913

**Kháng cự gần:** 893 - 895

**Hỗ trợ gần:** 871 - 873

**Hỗ trợ xa:** 862 - 867

- F1 mở gap giảm điểm và diễn biến giằng co, tạo mẫu nến spinning trong phiên hôm nay.
- Sau các nhịp rung lắc mạnh trong phiên, áp lực cung giá thấp đã được giải tỏa phần nào và chúng tôi cho rằng trạng thái thị trường trở nên trung tính hơn, để ngỏ cơ hội xuất hiện nhịp hồi phục.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt mở vị thế LONG/SHORT cả 2 chiều tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở từng phần vị thế LONG khi chỉ số giảm về vùng hỗ trợ sâu.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng chung cho các vị thế trong phiên là 2 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến trong phiên, NĐT có thể điều chỉnh tăng giảm nhẹ so với mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

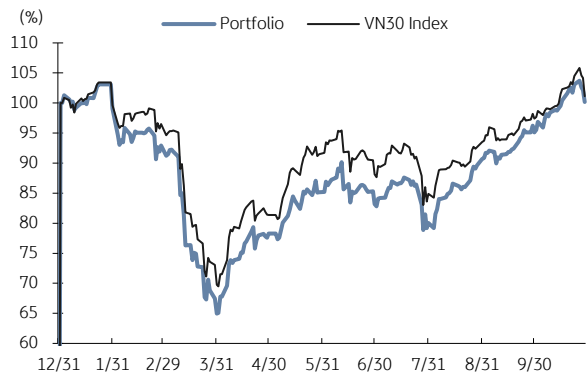
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.90%	-1.98%
Tăng lũy kế (YTD)	1.12%	0.15%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	102,300	-2.6%	-48.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,000	0.7%	-32.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	66,800	1.2%	-37.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,800	1.4%	-40.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,600	-0.4%	-19.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,900	0.4%	-8.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,100	-2.7%	-27.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	102,300	-1.6%	-25.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,600	0.7%	-41.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,800	-1.1%	-19.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.7%	34.3%	45.3
SSI	2.4%	50.1%	20.4
STB	3.1%	9.2%	19.0
DGW	4.7%	26.4%	16.4
VHM	0.8%	22.0%	16.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.7%	34.3%	45.3
SSI	2.4%	50.1%	20.4
STB	3.1%	9.2%	19.0
DGW	4.7%	26.4%	16.4
BID	-1.7%	17.4%	-18.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	1.9%	0.9%	0.2
INN	0.0%	9.7%	0.2
PIA	-2.6%	9.4%	0.1
NHA	1.7%	7.8%	0.1
WCS	-0.1%	27.4%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SD9	1.7%	7.8%	-2.6
SHS	1.6%	7.4%	-1.5
BVS	-1.9%	23.7%	-1.0
SD6	0.0%	6.8%	-0.9
VCG	-2.0%	0.3%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	1.8%	HPG, SHI
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%	VNM, BHN
Y tế	-0.9%	IMP, DCL
Truyền thông	-1.1%	PNC, AAA
Bất động sản	-1.2%	VIC, PDR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-6.9%	BVH, BMI
Ngân hàng	-6.7%	BID, VCB
Dịch vụ tài chính	-6.1%	SSI, HCM
Công nghệ thông tin	-5.4%	FPT, CMG
Bán lẻ	-5.1%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	10.5%	HPG, TTF
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.7%	PNJ, RAL
Thực phẩm và đồ uống	4.8%	MSN, VCF
Hóa chất	4.2%	GVR, DCM
Bảo hiểm	3.2%	BVH, BIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.3%	AAA, PNC
Ô tô và phụ tùng	-6.8%	TCH, DRC
Du lịch và Giải trí	-5.8%	HVN, VJC
Dầu khí	-5.3%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-4.5%	HT1, CII

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	100,700	340,611 (14,694)	57,223 (2.5)	22.8	54.9	40.3	19.2	6.6	8.7	3.9	3.6	0.5	0.6	10.1	-12.4
	VHM	VINHOMES JSC	76,200	250,661 (10,813)	176,224 (7.6)	27.0	9.3	8.2	35.7	38.6	31.1	2.9	2.2	0.8	-1.7	1.2	-10.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,600	58,171 (2,509)	109,411 (4.7)	18.6	23.4	16.8	-0.1	8.8	11.7	2.0	1.8	0.4	-8.9	-6.7	-24.7
	NVL	NO VA LAND INVES	62,000	61,105 (2,636)	85,933 (3.7)	32.7	16.5	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.0	-0.8	-2.2	4.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,950	13,383 (577)	16,115 (0.7)	8.3	12.3	10.2	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-0.2	0.0	-1.8	-6.5
	DXG	DAT XANH GROUP	11,400	5,908 (255)	64,112 (2.8)	13.5	13.1	5.5	-43.3	3.6	14.5	0.8	0.6	0.0	-6.6	13.4	-21.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	83,600	310,062 (13,376)	81,352 (3.5)	6.4	18.9	16.3	10.3	19.7	18.8	3.1	2.7	-0.7	-3.5	-1.2	-7.3
	BID	BANK FOR INVESTM	38,650	155,451 (6,706)	95,841 (4.1)	12.6	24.7	17.3	-5.3	9.3	11.8	1.9	1.7	-1.7	-	-4.9	-16.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,800	76,303 (3,292)	453,433 (19.6)	0.0	7.4	6.4	4.1	15.5	15.4	1.1	0.9	-2.7	-9.0	-3.3	-7.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	29,100	108,351 (4,674)	265,246 (11.4)	0.7	14.6	12.1	18.7	10.6	11.9	1.3	1.2	-2.7	-9.1	9.4	39.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,300	56,800 (2,450)	191,418 (8.3)	0.3	6.9	6.2	5.4	17.8	16.0	1.1	1.0	0.4	-9.0	-1.9	16.5
	MBB	MILITARY COMMERC	17,800	49,362 (2,129)	133,310 (5.8)	0.0	6.6	5.7	8.8	18.0	17.5	1.1	0.9	1.4	-5.3	4.2	-1.6
	HDB	HDBANK	23,600	29,634 (1,278)	43,976 (1.9)	1.5	7.3	6.5	20.3	19.1	18.5	1.3	1.1	2.6	-6.5	-1.8	11.4
	STB	SACOMBANK	13,500	24,349 (1,050)	267,533 (11.5)	14.4	12.8	9.8	16.4	10.4	9.2	0.9	0.8	3.1	-7.5	1.5	34.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,750	18,577 (801)	68,777 (3.0)	0.0	6.2	5.0	29.4	22.4	20.3	1.1	0.9	2.9	-9.7	-2.4	8.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,250	21,208 (915)	6,571 (0.3)	0.0	37.1	35.6	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.3	-1.4	1.5	-3.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	50,200	37,265 (1,608)	65,950 (2.8)	20.6	30.5	25.8	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	1.4	-7.6	4.6	-26.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,500	2,421 (104)	8,546 (0.4)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	0.8	-5.4	-9.2	6.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,100	10,276 (443)	101,347 (4.4)	49.9	11.6	10.6	-15.9	9.2	9.7	-	-	2.4	-5.0	2.1	9.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	35,800	5,928 (256)	40,500 (1.7)	73.1	-	-	-	-	-	-	-	3.3	-7.0	25.2	21.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,750	6,330 (273)	65,916 (2.8)	51.3	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-7.0	0.0	-2.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,000	3,128 (135)	23,957 (1.0)	16.4	-	-	-	-	-	-	-	1.0	-6.5	11.1	4.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	106,900	223,383 (9,636)	203,230 (8.8)	42.1	22.1	20.3	6.1	38.2	38.4	7.6	6.9	-0.5	0.2	-2.1	10.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,500	118,316 (5,104)	19,418 (0.8)	36.9	27.7	23.5	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	0.0	-0.3	-0.3	-19.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,000	98,673 (4,257)	306,054 (13.2)	12.6	113.0	42.7	-59.5	2.3	5.9	3.1	3.0	-2.3	-1.2	56.7	48.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	10,900	12,083 (521)	22,041 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.2	-6.4	-7.2	-21.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	102,300	53,589 (2,312)	46,406 (2.0)	12.5	-	13.0	-91.0	7.0	25.0	3.3	2.7	-1.6	-2.6	-1.6	-30.0
	GMD	GEMADEPT CORP	22,400	6,651 (287)	12,912 (0.6)	0.0	16.7	14.4	-53.8	6.7	7.5	1.1	1.1	1.4	-4.5	-4.7	-3.9
	CII	HO CHI MINH CITY	16,550	3,953 (171)	37,317 (1.6)	37.6	8.3	7.7	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	2.2	-6.0	-8.3	-26.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,220	1,260 (054)	20,250 (0.9)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	1.8	-1.3	1.4	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,350	9,094 (392)	145,131 (6.3)	35.7	23.7	10.2	-20.9	10.5	13.6	-	-	1.8	-9.8	18.0	0.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,500	4,311 (186)	87,924 (3.8)	2.4	6.9	7.4	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	1.3	-2.2	15.7	10.1
	REE	REE	41,600	12,898 (556)	18,911 (0.8)	0.0	8.2	6.8	-8.5	13.9	15.2	1.1	1.0	-0.4	-0.6	4.1	14.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,000	135,890 (5,862)	66,823 (2.9)	45.9	17.4	14.4	-15.7	16.4	18.4	2.7	2.5	-1.3	-3.7	-0.7	-24.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (279)	4,255 (0.2)	29.7	9.7	9.3	-5.7	16.1	17.1	1.6	1.5	1.1	-1.3	-3.0	3.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,250	7,134 (308)	4,689 (0.2)	33.3	8.1	7.5	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	-1.1	-3.5	-6.3	-17.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,600	101,386 (4,374)	495,273 (21.4)	14.7	9.8	8.1	9.4	19.0	19.5	1.7	1.4	0.7	3.4	16.1	56.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,900	6,222 (268)	43,963 (1.9)	37.2	10.0	10.7	1.4	8.9	8.0	0.8	0.7	-0.6	-6.2	-7.8	22.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,650	6,168 (266)	44,999 (1.9)	45.6	14.3	17.4	-14.4	7.6	6.2	-	-	1.3	-7.5	-0.4	79.2
	HSG	HOA SEN GROUP	14,800	6,576 (284)	181,443 (7.8)	40.1	7.9	7.7	45.5	14.4	13.0	-	-	-1.0	-4.2	-2.6	99.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	10,850	2,406 (104)	21,123 (0.9)	97.7	5.4	6.1	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	0.5	-7.3	-5.8	-10.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,200	58,747 (2,534)	14,522 (0.6)	4.0	49.1	16.5	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	1.5	-2.4	-4.7	-13.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,750	4,527 (195)	72,087 (3.1)	39.8	49.7	26.8	-22.3	0.8	1.5	0.3	0.3	0.0	-5.7	-6.5	-28.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,100	3,687 (159)	33,875 (1.5)	31.4	8.6	7.5	-18.0	9.3	10.3	0.7	0.6	-0.4	-4.4	-3.0	-22.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	102,300	46,302 (1,997)	95,850 (4.1)	0.0	12.6	9.4	10.2	26.6	28.2	3.0	2.4	-2.6	-5.7	-1.2	-10.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	66,800	15,038 (649)	64,171 (2.8)	0.0	16.7	14.0	-0.9	19.3	22.7	3.0	2.7	1.2	-2.1	9.9	-22.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,500	1,392 (060)	1,129 (0.0)	69.4	18.7	13.6	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.6	-1.1	-6.5	20.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,200	1,674 (072)	12,497 (0.5)	13.2	14.2	10.0	-48.5	6.8	12.1	1.1	1.0	0.5	-8.2	10.9	0.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,800	7,425 (320)	51,386 (2.2)	36.6	7.6	7.0	24.4	35.7	31.2	2.5	2.1	-0.7	0.2	-3.5	43.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,000	13,336 (575)	421 (0.0)	45.2	19.6	18.1	8.0	20.7	20.1	3.7	3.5	0.0	-1.6	-3.7	11.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,300	5,198 (224)	305 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.0	-0.7	1.0	27.6
IT	FPT	FPT CORP	50,900	39,901 (1,721)	119,606 (5.2)	0.0	11.5	9.8	20.0	23.4	24.5	2.4	2.2	0.4	-5.7	1.4	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**

vinhn@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.